

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG - VĂN PHÒNG CÔNG TY
Cho 6 tháng đầu năm 2016
kèm theo
BÁO CÁO CÔNG TÁC SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



MỤC LỤC

Trang

1.	Mục lục	01
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 04
3.	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 – 06
4.	Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	07 – 10
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2016	11
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2016	12 – 13
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2016	14 – 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

6 tháng đầu năm 2016

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2016 của Văn phòng Công ty đã được soát xét.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 11) vào ngày 01 tháng 06 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 255.227.670.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất và kinh doanh giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy. Các sản phẩm khác từ giấy. Vật tư, thiết bị ngành giấy; Xuất nhập khẩu: các loại giấy, vật tư, thiết bị ngành giấy; Dịch vụ: thiết kế, chế tạo, lắp đặt, gia công, sửa chữa thiết bị, tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ sản xuất giấy; Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với pháp luật quy định; In bao bì; Gia công, sản xuất bao bì giấy, nhôm, nhựa (trừ tài chế phế thải giấy, kim loại, nhựa); Mua bán vật tư ngành in, nguyên liệu ngành sản xuất thuốc lá, giấy, đầu lọc, màng nhôm, màng nhựa; Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; In nhãn mác, catalog, tờ rơi, tờ gấp giới thiệu sản phẩm hàng hóa; hướng dẫn sử dụng thiết bị, công cụ và sản phẩm tiêu dùng; biểu mẫu, văn hóa phẩm và giấy tờ giao dịch hành chính của các doanh nghiệp; giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội; Gia công: giấy vệ sinh, khăn giấy (không tái chế phế thải); Mua bán: sản phẩm bao bì, nhãn mác, hộp, vật tư, thiết bị ngành in, hàng nông sản, sản phẩm chế biến từ nông sản; Xây dựng: dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư; Môi giới bất động sản; Kinh doanh nhà; Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí (không kinh doanh tại trụ sở); Kinh doanh lữ hành nội địa; Đào tạo nghề; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dạy nghề; Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở); Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở); Giáo dục văn hóa nghệ thuật (trừ hoạt động vũ trường); Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng); Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị

Họ và tên:

- Ông Bùi Quang Mẫn
- Bà Nguyễn Thị Thu
- Ông Trần Hoàng Nghĩa
- Ông Huỳnh Anh Tùng
- Ông Bùi Quang Minh
- Ông Bùi Quang Khoa

Chức vụ:

- Chủ tịch
- Phó Chủ tịch
- Thành viên
- Thành viên (đến hết ngày 20/06/2015)
- Thành viên (kể từ ngày 20/06/2015)
- Thành viên (kể từ ngày 13/10/2015)

Ban Kiểm soát

Họ và tên:

- Bà Lê Nguyễn Thị Bích Trang
- Bà Lê Thị Minh Giang
- Ông Phạm Như Bách

Chức vụ:

- Trưởng ban
- Phó ban
- Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên:

- Bùi Quang Minh
- Ông Trần Hoàng Nghĩa
- Ông Nguyễn Thị Thu
- Ông Bùi Quang Khoa

Chức vụ:

- Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/08/2016
- Tổng Giám đốc đến hết ngày 01/08/2016
- Phó Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại số 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh:

Chi nhánh Bình Dương – Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông

Địa chỉ: Số 15, đường N3, khu công nghiệp Sóng Thần 3, khu 1, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

4. Tình hình tài chính giữa niên độ và hoạt động kinh doanh giữa niên độ

Tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2016 của Văn phòng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 40).

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2016 của Văn phòng Công ty.

7. Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2016

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2016 và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

Số: 121/2016/BCKT-PKF-VHN

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông, được lập ngày 01 tháng 08 năm 2016, từ trang 07 đến trang 40 bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như thuyết minh số V.11, V.12 các khoản lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được lập trên cơ sở các báo cáo tài chính cho 6 tháng đầu năm 2016 chưa được kiểm toán.

Như thuyết minh số V.11, V.12 cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chúng tôi không nhận được báo cáo tài chính cho 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty TNHH Bao bì MM Vidon, Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Văn hóa Thanh Trúc, Công ty Cổ phần In Khánh Hội, Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng. Các khoản lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn của các khoản đầu tư tài chính trên được lập trên cơ sở các báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được kiểm toán.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2016 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0162-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B01-DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109.256.928.529	150.219.788.600
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	635.478.261	2.572.139.870
1. Tiền	111		635.478.261	2.572.139.870
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.913.157.703	105.242.656.020
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	73.382.717.902	103.114.541.901
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.218.401.312	3.608.152.504
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.4	20.936.011.860	28.628.925.033
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	8.310.254.491	8.083.371.971
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(24.934.227.862)	(38.192.335.389)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	26.947.154.682	40.754.902.109
1. Hàng tồn kho	141		29.628.818.374	43.436.565.801
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.681.663.692)	(2.681.663.692)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		761.137.883	1.650.090.601
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	389.800.330	86.394.574
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		371.337.553	1.563.696.027
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		284.442.647.483	294.783.124.366
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		7.268.697.531	7.743.071.401
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	7.268.697.531	7.743.071.401
<i>Nguyên giá</i>	222		32.185.668.960	32.076.578.051
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(24.916.971.429)	(24.333.506.650)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		175.482.723	175.482.723
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(175.482.723)	(175.482.723)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		277.173.949.952	287.038.004.258
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	320.484.089.694	320.484.089.694
3. Đầu tư khác vào công ty khác	253	V.12	62.434.024.000	62.434.024.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	V11; V12	(105.744.163.742)	(95.880.109.436)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	2.048.707
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	-	2.048.707
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		393.699.576.012	445.002.912.966

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		95.867.480.946	143.013.167.488
I. Nợ ngắn hạn	310		55.635.480.946	102.781.167.488
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	4.398.026.898	6.268.277.707
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	283.966.669	572.455.555
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	3.434.490.465	9.217.640.706
4. Phải trả người lao động	314		576.016.167	501.169.847
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	10.227.224.008	8.971.833.295
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	6.746.562.168	45.547.995.807
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	28.529.794.712	31.127.794.712
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.439.399.859	573.999.859
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		40.232.000.000	40.232.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	40.232.000.000	40.232.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

NH H
IOM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		297.832.095.066	301.989.745.478
I. Vốn chủ sở hữu	410		297.832.095.066	301.989.745.478
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	255.227.670.000	255.227.670.000
1a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		255.227.670.000	255.227.670.000
1b. Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	3.254.265.000	3.254.265.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.20	2.967.606.986	2.967.606.986
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	15.324.659.007	14.454.659.007
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20	105.844.658	105.844.658
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	20.952.049.415	25.979.699.827
11a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.667.854.794	4.478.226.507
11b. LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.284.194.621	21.501.473.320
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		393.699.576.012	445.002.912.966



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2016

Bùi Văn Thủy
Người lập biểu

Bùi Văn Thủy
Kế toán trưởng

Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

MẪU SỐ B02-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	26.179.043.212	36.103.360.806
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	77.270.373	3.188.022
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	26.101.772.839	36.100.172.784
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	21.859.261.731	39.510.469.632
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.242.511.108	(3.410.296.848)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	589.047.420	1.093.393.027
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.615.365.761	2.076.073.806
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.749.633.768	3.859.519.178
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	759.260.847	796.496.925
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	(10.275.415.317)	1.232.243.891
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(267.652.763)	(6.421.718.443)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.884.760.671	2.728.608.437
12. Chi phí khác	32	VI.8	80.856.668	2.626.326.707
13. Lợi nhuận khác	40		6.803.904.003	102.281.730
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.536.251.240	(6.319.436.713)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	1.251.946.678	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.284.304.562	(6.319.436.713)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	207	(248)



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2016

Bùi Văn Thủy
Người lập biểu

Bùi Văn Thủy
Kế toán trưởng

Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho 6 tháng đầu năm 2016

MẪU SỐ B03-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.536.251.240	30.726.735.412
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	583.464.779	1.238.353.627
- Các khoản dự phòng	03		(3.394.053.221)	(14.908.065.670)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	1.284.416	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(573.371.520)	(86.783.405.609)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4.749.633.768	7.053.468.392
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
trước thay đổi vốn lưu động	08		7.903.209.462	(62.672.913.848)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.208.009.344	(46.339.698.789)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.807.747.427	3.613.590.852
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(49.499.384.245)	(14.308.340.641)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(301.357.049)	103.805.389
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.662.715.556)	(3.347.127.053)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(257.167.187)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	85.929.265.746
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		198.342.196	(37.021.418.344)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	VI.9	(109.090.909)	(3.065.549.732)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	36.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	43.200.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		573.371.520	2.795.330.160
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		464.280.611	42.966.144.064

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19a; V.19b	-	3.923.700.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19a; V.19b	(2.598.000.000)	(8.367.252.833)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.598.000.000)	(4.443.552.833)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.935.377.193)	1.501.172.887
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.572.139.870	1.070.966.983
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		(1.284.416)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	635.478.261	2.572.139.870

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2016

Bùi Văn Thủy
Người lập biểuBùi Văn Thủy
Kế toán trưởngBùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

MẪU SỐ B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 11) vào ngày 01 tháng 06 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 255.227.670.000 đồng.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 083 8428633

Fax : 083 8425880

Website : <http://www.vidon.com.vn>

Mã số thuế : 0300377536

Chi nhánh:

Chi nhánh Bình Dương – Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông

Địa chỉ: Số 15, đường N3, khu công nghiệp Sóng Thần 3, khu 1, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất và kinh doanh giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy. Các sản phẩm khác từ giấy. Vật tư, thiết bị ngành giấy; Xuất nhập khẩu: các loại giấy, vật tư, thiết bị ngành giấy; Dịch vụ: thiết kế, chế tạo, lắp đặt, gia công, sửa chữa thiết bị, tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ sản xuất giấy; Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với pháp luật quy định; In bao bì; Gia công, sản xuất bao bì giấy, nhôm, nhựa (trừ tài chế phế thải giấy, kim loại, nhựa); Mua bán vật tư ngành in, nguyên liệu ngành sản xuất thuốc lá, giấy, dầu lọc, màng nhôm, màng nhựa; Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; In nhãn mác, catalog, tờ rơi, tờ gấp giới thiệu sản phẩm hàng hóa; hướng dẫn sử dụng thiết bị, công cụ và sản phẩm tiêu dùng; biểu mẫu, văn hóa phẩm và giấy tờ giao dịch hành chính của các doanh nghiệp; giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội; Gia công: giấy vệ sinh, khăn giấy (không tái chế phế thải); Mua bán: sản phẩm bao bì, nhãn mác, hộp, vật tư, thiết bị ngành in, hàng nông sản, sản phẩm chế biến từ nông sản; Xây dựng: dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư; Môi giới bất động sản; Kinh doanh nhà; Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí (không kinh doanh tại trụ sở); Kinh doanh lữ hành nội địa; Đào tạo nghề; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dạy nghề; Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở); Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở); Giáo dục văn hóa nghệ thuật (trừ hoạt động vũ trường); Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng); Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2016 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian hữu dụng của chi phí. Thời gian phân bổ được xác định theo tính chất chi phí.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính không phải sinh có giá trị thanh toán cụ thể hoặc có thể xác định được và có ngày đáo hạn cụ thể mà công ty có ý định chắc chắn và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính không phải sinh được xác định là có sẵn để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỆT ĐÔNG – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	386.141.436	215.139.783
Tiền gửi ngân hàng	249.336.825	2.357.000.087
Cộng	635.478.261	2.572.139.870

2. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	50.359.177.025	12.838.557.877	77.290.329.300	26.850.165.405
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	8.798.726.093	-	9.973.726.093	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập Khẩu Sao Mai Vi Na.	9.777.145.003	9.777.145.003	9.790.145.003	9.790.145.003
- Công ty Cổ Phần In Khánh Hội	1.401.252.749	-	1.407.973.749	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	405.442.895	-	405.442.895	-
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	345.143.567	-	97.743.343	-
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hiệp Anh	283.177.998	-	444.562.998	-
- Các khách hàng khác	2.012.652.572	767.701.870	3.704.618.520	767.701.869
Cộng	73.382.717.902	23.383.404.750	103.114.541.901	37.408.012.277

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Phải thu khách hàng là các bên liên quan:**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	50.359.177.025	12.838.557.877	77.290.329.300	26.850.165.405
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	8.798.726.093	-	9.973.726.093	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	405.442.895	-	405.442.895	-
- Công ty TNHH Bao bì MM VIDON	-	-	1.745.804.550	-
Cộng	59.563.346.013	12.838.557.877	89.415.302.838	26.850.165.405

3. Trả trước cho người bán**Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	1.480.000.000	444.000.000	1.480.000.000	-
- Công ty TNHH Tac Paritas	1.075.000.000	322.500.000	1.075.000.000	-
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Ngô Viết	528.000.000	528.000.000	528.000.000	528.000.000
- Các nhà cung cấp khác	135.401.312	126.323.112	525.152.504	126.323.112
Cộng	3.218.401.312	1.420.823.112	3.608.152.504	654.323.112

Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	1.480.000.000	444.000.000	1.480.000.000	-
Cộng	1.480.000.000	444.000.000	1.480.000.000	-

4. Phải thu nội bộ ngắn hạn

Là khoản phải thu nội bộ Chi nhánh Bình Dương.

5. Phải thu khác**Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tạm ứng	20.000.000	-	12.000.000	-
- Phải thu khác	8.290.254.491	130.000.000	8.071.371.971	130.000.000
+ Công ty TNHH Tac Paritas	6.120.000.000	-	6.120.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	2.039.723.680	-	1.820.841.160	-
+ Ngô Lợi	130.000.000	130.000.000	130.000.000	130.000.000
+ Nhà Xuất Bản Văn Hóa - Văn Nghệ TP.HCM	530.811	-	530.811	-
Cộng	8.310.254.491	130.000.000	8.083.371.971	130.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Phải thu khác ngắn hạn là các bên liên quan**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	2.039.723.680	-	1.820.841.160	-
Cộng	2.039.723.680	-	1.820.841.160	-

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	64.248.031.626	39.313.803.764	103.370.747.738	65.178.412.349
+ Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	50.359.177.025	37.520.619.148	77.290.329.300	50.440.163.895
+ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập Khẩu Sao Mai Vi Na.	9.777.145.003	-	9.790.145.003	-
+ Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Ngô Viết	528.000.000	-	528.000.000	-
+ Ngô Lợi	130.000.000	-	130.000.000	-
+ Các đối tượng khác	3.453.709.598	1.793.184.616	15.632.273.435	14.738.248.454
- Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu	-	-	-	-
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	-	-	-	-
Cộng	64.248.031.626	39.313.803.764	103.370.747.738	65.178.412.349

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	38.192.335.389
Trích lập dự phòng trong kỳ	766.500.000
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(14.024.607.527)
Số cuối kỳ	24.934.227.862

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng (*)	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.318.502.490	187.320.842	4.456.107.095	187.320.842
Thành phẩm	368.544.318	18.386.592	437.127.340	18.386.592
Hàng hóa	24.941.771.566	2.475.956.258	38.543.331.366	2.475.956.258
Cộng	29.628.818.374	2.681.663.692	43.436.565.801	2.681.663.692

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)*(¹) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính như sau:*

	Giá gốc hàng hóa chậm luân chuyển	Tỷ lệ lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
Nguyên liệu, vật liệu	468.302.105	40%	187.320.842
Thành phẩm	45.966.480	40%	18.386.592
Hàng hóa	6.189.890.645	40%	2.475.956.258
Cộng	6.704.159.230		2.681.663.692

8. Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí công cụ, dụng cụ

	Kỳ này
Số đầu năm	86.394.574
Tăng trong kỳ	631.516.733
Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(328.110.977)
Số cuối kỳ	389.800.330

b. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ

	Kỳ này
Số đầu năm	2.048.707
Tăng trong kỳ	-
Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(2.048.707)
Số cuối kỳ	-

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (¹)	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	21.174.865.344	5.151.005.320	4.649.447.292	1.101.260.095	32.076.578.051
Tăng trong kỳ	-	109.090.909	-	-	109.090.909
Mua sắm mới	-	109.090.909	-	-	109.090.909
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	21.174.865.344	5.260.096.229	4.649.447.292	1.101.260.095	32.185.668.960
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	14.109.752.709	2.085.455.588	3.972.347.656	856.139.095	21.023.695.048
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	16.077.375.045	2.682.445.004	4.586.955.147	986.731.454	24.333.506.650
Tăng trong kỳ	184.289.136	324.736.794	56.424.972	18.013.877	583.464.779
Khấu hao trong kỳ	184.289.136	324.736.794	56.424.972	18.013.877	583.464.779
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	16.261.664.181	3.007.181.798	4.643.380.119	1.004.745.331	24.916.971.429
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.097.490.299	2.468.560.316	62.492.145	114.528.641	7.743.071.401
Số cuối kỳ	4.913.201.163	2.252.914.431	6.067.173	96.514.764	7.268.697.531

(¹) Một số phương tiện vận tải có nguyên giá 2.776.000.000 đồng được thế chấp đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12. Xem tại thuyết minh V.18b.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	175.482.723	175.482.723	-
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	175.482.723	175.482.723	-

Trong đó, nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 175.482.723 đồng.

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Công ty TNHH Bao bì MM Vidon ⁽¹⁾	97.720.000.000	-	97.720.000.000	97.720.000.000	-	97.720.000.000
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực ⁽²⁾	77.882.356.500	37.588.828.405	40.293.528.095	77.882.356.500	37.588.828.405	40.293.528.095
- Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt ⁽¹⁾	38.159.064.754	9.775.214.485	28.383.850.269	38.159.064.754	9.775.214.485	28.383.850.269
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông ⁽³⁾	33.745.517.000	9.864.054.306	23.881.462.694	33.745.517.000	-	33.745.517.000
- Công ty Cổ phần Mai Lan ⁽²⁾⁽³⁾	20.678.440.000	4.997.921.889	15.680.518.111	20.678.440.000	4.997.921.889	15.680.518.111
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Viễn Đông ⁽¹⁾	20.000.000.000	1.701.858.738	18.298.141.262	20.000.000.000	1.701.858.738	18.298.141.262
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô ⁽¹⁾	14.841.400.000	-	14.841.400.000	14.841.400.000	-	14.841.400.000
- Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Hưng Phú ⁽¹⁾	12.708.000.000	6.154.655.738	6.553.344.262	12.708.000.000	6.154.655.738	6.553.344.262
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng ⁽²⁾⁽³⁾	4.749.311.440	-	4.749.311.440	4.749.311.440	-	4.749.311.440
Cộng	320.484.089.694	70.082.533.561	250.401.556.133	320.484.089.694	60.218.479.255	260.265.610.439

⁽¹⁾ Các đơn vị chưa có báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016. Các khoản lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn của các khoản đầu tư tài chính trên được lập trên cơ sở các báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được kiểm toán.

⁽²⁾ Các đơn vị có báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 nhưng chưa kiểm toán. Các khoản lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn của các khoản đầu tư tài chính trên được lập trên cơ sở các báo cáo tài chính cho 6 tháng đầu năm 2016 chưa được kiểm toán.

⁽³⁾ 591.059 cổ phiếu Công ty Cổ phần Mai Lan, 494.552 cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông, 224.300 cổ phiếu Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng, được cầm cố, thế chấp đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam-Sở giao dịch II. Xem tại thuyết minh số V.18a.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh trong kỳ như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	60.218.479.255
Trích lập dự phòng trong kỳ	9.864.054.306
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-
Số cuối kỳ	70.082.533.561

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Đầu tư vào công ty khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Công ty Cổ phần Chè Lâm Đồng (*)	27.000.000.000	22.287.510.088	4.712.489.912	27.000.000.000	22.287.510.088	4.712.489.912
- Công ty Cổ phần Chè Cà phê Di Linh (**)	14.179.560.000	11.360.103.937	2.819.456.063	14.179.560.000	11.360.103.937	2.819.456.063
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực (**)	16.350.000.000	-	16.350.000.000	16.350.000.000	-	16.350.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Văn hóa Thanh Trúc (*)	2.250.000.000	944.399.118	1.305.600.882	2.250.000.000	944.399.118	1.305.600.882
- Công ty Cổ phần In Khánh Hội (*)	1.500.000.000	1.069.617.038	430.382.962	1.500.000.000	1.069.617.038	430.382.962
- Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng (*)	754.464.000	-	754.464.000	754.464.000	-	754.464.000
- Trường Trung Học Cơ Sở Việt Mỹ (**)	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000
- Trường Trung Học PT Việt Mỹ Anh (**)	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000
Cộng	62.434.024.000	35.661.630.181	26.772.393.819	62.434.024.000	35.661.630.181	26.772.393.819

(*) Các đơn vị chưa có báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016. Các khoản lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn của các khoản đầu tư tài chính trên được lập trên cơ sở các báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được kiểm toán.

(**) Các đơn vị có báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 nhưng chưa kiểm toán. Các khoản lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn của các khoản đầu tư tài chính trên được lập trên cơ sở các báo cáo tài chính cho 6 tháng đầu năm 2016 chưa được kiểm toán.

(***) 267.280 cổ phiếu Công ty Cổ phần Chè Cà phê Di Linh thế chấp đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam-Sở giao dịch II. Xem tại thuyết minh số V.18a.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho các khoản đầu tư vào công ty khác trong kỳ như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	35.661.630.181
Trích lập dự phòng trong kỳ	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-
Số cuối kỳ	35.661.630.181

13. Phải trả người bán

Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Pearson Education South Asia Pte.Ltd	3.663.118.007	3.663.118.007	3.663.118.007	3.663.118.007
- Nhà Xuất Bản Văn Hóa - Văn Nghệ TP.HCM	326.367.536	326.367.536	326.367.536	326.367.536
- Công ty TNHH Bao bì MM Vidon	121.209.675	121.209.675	-	-
- Các nhà cung cấp khác	287.331.680	287.331.680	2.278.792.164	2.278.792.164
Cộng	4.398.026.898	4.398.026.898	6.268.277.707	6.268.277.707

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỆT ĐÔNG - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Pearson Education South Asia Pte.Ltd	3.663.118.007	3.663.118.007	3.663.118.007	3.663.118.007
- Nhà Xuất Bản Văn Hóa - Văn Nghệ TP.HCM	326.367.536	326.367.536	326.367.536	326.367.536
Cộng	3.989.485.543	3.989.485.543	3.989.485.543	3.989.485.543

Phải trả nhà cung cấp là bên liên quan

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Bao bì MM Vidon	121.209.675	121.209.675	-	-
Cộng	121.209.675	121.209.675	-	-

14. Người mua trả tiền trước**Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Thương mại Giấy Duy Phát	120.912.000	120.912.000
- Lao Tobacco Limited	78.640.519	73.672.200
- Rock International Marketing Pte Ltd	37.128.699	42.624.657
- Các khách hàng khác	47.285.451	335.246.698
Cộng	283.966.669	572.455.555

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**Thuế phải nộp**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Thuế giá trị gia tăng	410.125.765	410.125.765	410.125.765	410.125.765
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.901.946.678	2.901.946.678	1.907.167.187	1.907.167.187
Thuế thu nhập cá nhân	41.564.354	41.564.354	32.004.354	32.004.354
Thuế đất	-	-	6.868.343.400	6.868.343.400
Các loại thuế khác	80.853.668	80.853.668	-	-
Cộng	3.434.490.465	3.434.490.465	9.217.640.706	9.217.640.706

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Tình hình biến động của Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước như sau:**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Giảm khác trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế giá trị gia tăng	410.125.765	-	-	-	410.125.765
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.907.167.187	1.251.946.678	(257.167.187)	-	2.901.946.678
Thuế thu nhập cá nhân	32.004.354	62.335.875	(52.775.875)	-	41.564.354
Thuế đất (*)	6.868.343.400	537.740.160	(537.740.160)	(6.868.343.400)	-
Các loại thuế khác	-	83.853.668	(3.000.000)	-	80.853.668
Cộng	9.217.640.706	1.935.876.381	(850.683.222)	(6.868.343.400)	3.434.490.465

(*) Tiền thuế đất giảm trong kỳ do Công ty hoàn nhập lại và ghi nhận vào thu nhập khác. Xem thuyết minh số VI.7.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.536.251.240
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(276.517.852)
Điều chỉnh tăng	296.853.668
Chi phí không hợp lệ	80.853.668
Thù lao Hội đồng quản trị	216.000.000
Điều chỉnh giảm	(573.371.520)
Cổ tức lợi nhuận được chia	(573.371.520)
Thu nhập tính thuế	6.259.733.388
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.251.946.678

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả**Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Chi phí lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh 12	10.207.499.008	10.207.499.008	7.147.328.750	7.147.328.750
Chi phí khác	19.725.000	19.725.000	1.824.504.545	1.824.504.545
Cộng	10.227.224.008	10.227.224.008	8.971.833.295	8.971.833.295

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**17. Phải trả khác*****Phải trả khác ngắn hạn***

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	24.395.061	24.395.061	30.487.998	30.487.998
BHXH	54.137.877	54.137.877	21.491.174	21.491.174
Phải trả ngắn hạn khác ⁽¹⁾	5.631.829.230	5.631.829.230	44.459.816.635	44.459.816.635
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn ⁽²⁾	1.036.200.000	1.036.200.000	1.036.200.000	1.036.200.000
Cộng	6.746.562.168	6.746.562.168	45.547.995.807	45.547.995.807

(1) Chi tiết phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Phải trả Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Hưng Phú ⁽¹⁾	4.489.004.297	4.489.004.297	4.489.004.297	4.489.004.297
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	-	-	38.693.762.227	38.693.762.227
- Phải trả khoản giữ hộ	1.142.824.933	1.142.824.933	1.277.050.111	1.277.050.111
Cộng	5.631.829.230	5.631.829.230	44.459.816.635	44.459.816.635

⁽¹⁾ Là khoản trả lại vốn góp theo Biên bản họp Hội đồng quản trị mở rộng ngày 19/07/2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông và Công ty Cổ phần Văn hóa Hưng Phú.

(2) Chi tiết nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Cơ Sở Thái Hồng	323.280.000	323.280.000	323.280.000	323.280.000
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV Siêu Thị Sài Gòn	210.000.000	210.000.000	210.000.000	210.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Giấy Duy Phát	164.880.000	164.880.000	164.880.000	164.880.000
- Nguyễn Lưu Thanh Hằng	99.000.000	99.000.000	99.000.000	99.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tâm Anh	95.940.000	95.940.000	95.940.000	95.940.000
- Các đối tượng khác	143.100.000	143.100.000	143.100.000	143.100.000
Cộng	1.036.200.000	1.036.200.000	1.036.200.000	1.036.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	-	-	38.693.762.227	38.693.762.227
- Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Hưng Phú	4.489.004.297	4.489.004.297	4.489.004.297	4.489.004.297
Cộng	4.489.004.297	4.489.004.297	43.182.766.524	43.182.766.524

18. Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
- Vay ngân hàng	29.452.794.712	-	(923.000.000)	28.529.794.712
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Sở giao dịch II ⁽¹⁾	29.452.794.712	-	(923.000.000)	28.529.794.712
- Vay các đối tượng khác	1.675.000.000	-	(1.675.000.000)	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục Hoàng Việt	500.000.000	-	(500.000.000)	-
+ Ông Trần Hoàng Nghĩa	1.175.000.000	-	(1.175.000.000)	-
Cộng	31.127.794.712	-	(2.598.000.000)	28.529.794.712

⁽¹⁾ Hợp đồng tín dụng số 718A/2013/HĐ ngày 30/08/2013 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng : 40.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng;
- Lãi suất cho vay: xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Khoản vay được đảm bảo bằng: 591.059 cổ phiếu Công ty Cổ phần Mai Lan, 494.552 cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông, 267.280 cổ phiếu Công ty Cổ phần Chè Cà phê Di Linh, 224.300 cổ phiếu Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng, 606.761 cổ phiếu Công ty Chè Lâm Đồng.

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là bên liên quan

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ông Trần Hoàng Nghĩa	-	-	1.175.000.000	1.175.000.000
Cộng	-	-	1.175.000.000	1.175.000.000

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh 12 ⁽¹⁾	40.232.000.000	40.232.000.000	40.232.000.000	40.232.000.000
Cộng	40.232.000.000	40.232.000.000	40.232.000.000	40.232.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

⁽¹⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh 12 theo Hợp đồng tín dụng số 131/HĐTD ký ngày 20/07/2010 và khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 98/HĐTD ngày 28/09/2007.

Theo hợp đồng sửa đổi bổ sung tháng 8/2012 về hợp đồng tín dụng số 98/HĐTD ngày 28/09/2007, các nội dung sửa đổi như sau:

Thời hạn cho vay: 138 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (thời hạn cũ 96 tháng), trong đó:

- Thời gian ân hạn: 18 tháng
- Thời gian trả nợ: 120 tháng

Khoản vay được thế chấp bằng một số phương tiện vận tải có nguyên giá 2.776.000.000 đồng, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của ông Trần Hoàng Nghĩa và bà Mai Thị Trúc Giang, 117.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chè cà phê Di Linh do ông Bùi Quang Mẫn là chủ sở hữu, 99.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chè cà phê Di Linh do bà Nguyễn Thị Thu là chủ sở hữu.

Tình hình biến động của khoản vay dài hạn

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	40.232.000.000
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	-
Số cuối kỳ	<u>40.232.000.000</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	573.999.859
Tăng do trích lập lợi nhuận	870.000.000
Giảm trong kỳ	(4.600.000)
Số cuối kỳ	<u>1.439.399.859</u>

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị: 1.000 VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm nay	255.227.670	3.254.265	2.967.607	14.454.659	105.845	25.979.700	301.989.745
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	5.365.158	5.365.158
Trích quỹ đầu tư phát triển trong kỳ	-	-	-	870.000	-	(870.000)	-
Trích quỹ phúc lợi trong kỳ	-	-	-	-	-	(870.000)	(870.000)
Kết chuyển lãi lỗ chi nhánh Bình Dương	-	-	-	-	-	(8.571.955)	(8.571.955)
Số dư cuối kỳ	<u>255.227.670</u>	<u>3.254.265</u>	<u>2.967.607</u>	<u>15.324.659</u>	<u>105.845</u>	<u>21.032.903</u>	<u>297.912.949</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.522.767	25.522.767
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.522.767	25.522.767
- Cổ phiếu phổ thông	25.522.767	25.522.767
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.522.767	25.522.767
- Cổ phiếu phổ thông	25.522.767	25.522.767

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỆT ĐÔNG - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**21. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán*****Ngoại tệ các loại***

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- USD	7.400,48	9.850,67
- EUR	22,35	22,35

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng doanh thu	26.179.043.212	36.103.360.806
Doanh thu bán hàng hóa	17.291.061.820	34.570.385.205
Doanh thu bán thành phẩm	2.248.198.250	1.530.303.700
Doanh thu bán vật tư	3.883.000	2.671.901
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.635.900.142	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	77.270.373	3.188.022
Chiết khấu thương mại	-	2.920.536
Hàng bán trả lại	-	267.486
Giảm giá hàng bán	77.270.373	-
Doanh thu thuần, trong đó:	26.101.772.839	36.100.172.784
Trong đó:		
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	17.288.245.992	34.570.385.205
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	2.248.198.250	1.527.115.678
Doanh thu bán vật tư	3.883.000	2.671.901
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.561.445.597	-

Doanh thu với các bên liên quan

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô	315.818.387	4.160.555.376
- Công ty TNHH Bao bì MM Vidon	27.272.728	151.930.910
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	-	10.390.399.500
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	13.533.299.759	16.117.031.377
Cộng	13.876.390.874	30.819.917.163

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn hàng hóa	15.242.701.079	37.965.201.921
Giá vốn thành phẩm ⁽¹⁾	2.381.855.661	1.542.838.713
Giá vốn vật tư	3.678.600	2.428.998
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.231.026.391	-
Cộng	21.859.261.731	39.510.469.632

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)⁽¹⁾ Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	991.545.616	807.922.215
Chi phí nhân công trực tiếp	435.397.083	212.236.561
Chi phí sản xuất chung	886.329.940	516.129.240
Tổng chi phí sản xuất trong kỳ	2.313.272.639	1.536.288.016
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Giá thành sản xuất trong kỳ	2.313.272.639	1.536.288.016
Nhập thành phẩm khác		346.455.574
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	68.583.022	(339.904.877)
Giá vốn hàng bán	2.381.855.661	1.542.838.713

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.542.853	1.752.499
Cổ tức, lợi nhuận được chia ⁽¹⁾	573.371.520	974.489.000
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.133.047	117.151.528
Cộng	589.047.420	1.093.393.027

⁽¹⁾ Chi tiết:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Công ty Cổ phần Chè Cà phê Di Linh	354.489.000	804.489.000
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	218.882.520	-
- Trường Trung Học Cơ Sở Việt Mỹ	-	170.000.000
Cộng	573.371.520	974.489.000

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	4.749.633.768	3.859.519.178
Dự phòng đầu tư tài chính	9.864.054.306	-
Hoàn nhập chi phí dự phòng đầu tư tài chính	-	(1.863.403.057)
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	393.271	79.957.685
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.284.416	-
Cộng	14.615.365.761	2.076.073.806

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	644.904.263	733.293.312
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	38.735.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.218.503	13.998.402
Chi phí bằng tiền khác	2.138.081	10.469.409
Cộng	759.260.847	796.496.925

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.337.287.986	1.269.880.553
Chi phí đồ dùng, vật liệu quản lý	659.090	1.318.182
Chi phí khấu hao TSCĐ	278.299.420	308.502.346
Thuế, phí và lệ phí	14.891.824	48.151.318
Chi phí dự phòng	(13.258.107.527)	(2.119.678.611)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	691.333.310	1.004.496.618
Chi phí bằng tiền khác	660.220.580	719.573.485
Cộng	<u>(10.275.415.317)</u>	<u>1.232.243.891</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nhập từ tiền thuê đất ⁽¹⁾	6.868.343.400	-
Thu nhập khác	16.417.271	2.728.608.437
Cộng	<u>6.884.760.671</u>	<u>2.728.608.437</u>

⁽¹⁾ Trong năm 2015, theo thông báo số 8470/TB-CT ngày 18/9/2015 của Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh về đơn giá thuê đất, áp dụng nguyên tắc thận trọng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông đã trích đủ số thuế theo công văn trên; đồng thời Công ty làm Công văn số 3915/CV ngày 01/10/2015 gửi Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh xem xét hỗ trợ. Theo phiếu chuyển số 1147/PC-CT ngày 16/10/2015 Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển hồ sơ về Chi Cục Thuế quận Tân Bình xử lý. Theo Thông báo số 5747/TBTD-CCT-KKKTTH ngày 10/3/2016 xác định số tiền thuê đất phải nộp năm 2016 vẫn theo đơn giá cũ. Do đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông đã hoàn nhập tiền thuê đất tạm tính năm 2015 vào thu nhập khác năm 2016.

8. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí phạt chậm nộp thuế	80.853.668	-
Chi phí khác	3.000	2.626.326.707
Cộng	<u>80.856.668</u>	<u>2.626.326.707</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>
Chi phí nhân viên	2.632.611.219
Chi phí vật liệu, đồ dùng	1.023.515.683
Chi phí khấu hao TSCĐ	583.464.779
Chi phí dự phòng	(13.258.107.527)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.344.138.134
Chi phí bằng tiền khác	706.200.872
Cộng	<u>(2.968.176.840)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỆT ĐÔNG – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.284.304.562	(6.319.436.713)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.284.304.562	(6.319.436.713)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.522.767	25.522.767
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	207	(248)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tăng/ giảm lợi nhuận chưa phân phối từ chi nhánh Bình Dương	(8.571.954.974)	4.844.114.639
Chi phí lãi vay chưa trả	3.086.918.212	2.126.429.753

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Tại ngày 01/08/2016 Công ty có bổ nhiệm ông Bùi Quang Minh giữ chức vụ Tổng Giám Đốc thay cho ông Trần Hoàng Nghĩa.

2. Thông tin hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

3. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tiền lương của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong kỳ:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền lương	535.306.560	526.417.671
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	216.000.000	207.000.000
Cộng	751.306.560	733.417.671

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Chi nhánh Bình Dương	Đơn vị trực thuộc
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Hưng Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Viễn Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mai Lan	Công ty liên kết
Công ty TNHH Bao bì MM Vidon	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương Mại Toàn Lực	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Chè Cà phê Di Linh	Cổ đông lớn

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô		
Bán thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, vật tư	315.818.387	4.160.555.376
Công ty Cổ phần Chè Cà phê Di Linh		
Nhận cổ tức, lợi nhuận được chia	354.489.000	804.489.000
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng		
Nhận cổ tức, lợi nhuận được chia	218.882.520	-
Công ty TNHH Bao bì MM Vidon		
Mua thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ	109.090.909	3.324.366.881
Bán thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, vật tư	27.272.728	151.930.910
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực		
Mua thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, vật tư	-	163.636.364
Bán thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, vật tư	-	10.390.399.500
Công ty Cổ phần Thương Mại Toàn Lực		
Mua thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, vật tư	1.535.613.000	7.185.851.831
Bán thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, vật tư	13.533.299.759	16.117.031.377

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi nhánh Bình Dương</i>		
Phải thu nội bộ	20.936.011.860	28.628.925.033
<i>Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng</i>		
Phải thu cổ tức	2.039.723.680	1.820.841.160
<i>Công ty TNHH Bao bì MM Vidon</i>		
Phải thu tiền hàng	-	1.745.804.550
<i>Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực</i>		
Phải thu tiền hàng	8.798.726.093	9.973.726.093
Ứng trước tiền hàng	1.480.000.000	1.480.000.000
<i>Công ty Cổ phần Thương Mại Toàn Lực</i>		
Phải thu tiền hàng	50.359.177.025	77.290.329.300
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông</i>		
Phải thu tiền hàng	405.442.895	405.442.895
Cộng nợ phải thu	<u>84.019.081.553</u>	<u>121.345.069.031</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Hưng Phú</i>		
Phải trả khác	4.489.004.297	4.489.004.297
<i>Công ty Cổ phần Thương Mại Toàn Lực</i>		
Phải trả khác	-	38.693.762.227
<i>Công ty TNHH Bao bì MM Vidon</i>		
Phải trả người bán	121.209.675	-
Cộng nợ phải trả	<u>4.610.213.972</u>	<u>43.182.766.524</u>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
Tiền và các khoản tương đương tiền	635.478.261	635.478.261	2.572.139.870	2.572.139.870
Phải thu khách hàng	73.382.717.902	49.999.313.152	103.114.541.901	65.706.529.624
Phải thu nội bộ	20.936.011.860	20.936.011.860	28.628.925.033	28.628.925.033
Các khoản phải thu khác	8.310.254.491	8.180.254.491	8.083.371.971	7.953.371.971
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	382.918.113.694	277.173.949.952	382.918.113.694	287.038.004.258
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
Phải trả cho người bán	(4.398.026.898)	(4.398.026.898)	(6.268.277.707)	(6.268.277.707)
Phải trả các khoản vay ngắn, dài hạn	(68.761.794.712)	(68.761.794.712)	(71.359.794.712)	(71.359.794.712)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(3.434.490.465)	(3.434.490.465)	(9.217.640.706)	(9.217.640.706)
Phải trả người lao động	(576.016.167)	(576.016.167)	(501.169.847)	(501.169.847)
Chi phí phải trả	(10.227.224.008)	(10.227.224.008)	(8.971.833.295)	(8.971.833.295)
Các khoản phải trả khác	(6.746.562.168)	(6.746.562.168)	(45.547.995.807)	(45.547.995.807)
Cộng	392.038.461.790	262.780.893.298	383.450.380.395	250.032.258.682

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	635.478.261	-	635.478.261
Phải thu khách hàng	49.999.313.152	23.383.404.750	73.382.717.902
Phải thu nội bộ	20.936.011.860	-	20.936.011.860
Các khoản phải thu khác	8.180.254.491	130.000.000	8.310.254.491
Cộng	<u>79.751.057.764</u>	<u>23.513.404.750</u>	<u>103.264.462.514</u>
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.572.139.870	-	2.572.139.870
Phải thu khách hàng	65.706.529.624	37.408.012.277	103.114.541.901
Phải thu nội bộ	28.628.925.033	-	28.628.925.033
Các khoản phải thu khác	7.953.371.971	130.000.000	8.083.371.971
Cộng	<u>104.860.966.498</u>	<u>37.538.012.277</u>	<u>142.398.978.775</u>

6. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh toán. Rủi ro thanh toán của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh toán thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Phải trả cho người bán	4.398.026.898	-	4.398.026.898
Phải trả các khoản vay ngắn, dài hạn	28.529.794.712	40.232.000.000	68.761.794.712
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.434.490.465	-	3.434.490.465
Phải trả người lao động	576.016.167	-	576.016.167
Chi phí phải trả	10.227.224.008	-	10.227.224.008
Các khoản phải trả khác	6.746.562.168	-	6.746.562.168
Cộng	53.912.114.418	40.232.000.000	94.144.114.418
Số đầu năm			-
Phải trả cho người bán	6.268.277.707	-	6.268.277.707
Phải trả các khoản vay ngắn, dài hạn	31.127.794.712	40.232.000.000	71.359.794.712
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.217.640.706	-	9.217.640.706
Phải trả người lao động	501.169.847	-	501.169.847
Chi phí phải trả	8.971.833.295	-	8.971.833.295
Các khoản phải trả khác	45.547.995.807	-	45.547.995.807
Cộng	101.634.712.074	40.232.000.000	141.866.712.074

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty có phát sinh giao dịch mua dịch vụ bằng USD, EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá hối đoái vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

8. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính riêng nội bộ của Công ty.

Kết quả kinh doanh bao gồm các khoản có liên quan trực tiếp đến bộ phận và các khoản có thể phân bổ được trên một cơ sở hợp lý. Các khoản không phân bổ được bao gồm các tài khoản tạo thu nhập và doanh thu, các khoản vay chịu lãi, và chi phí chung của Công ty.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh trong kỳ của Công ty như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, vật tư	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo bộ phận	19.540.327.242	6.561.445.597	26.101.772.839
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	<u>(17.628.235.340)</u>	<u>(4.231.026.391)</u>	<u>(21.859.261.731)</u>
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo bộ phận	1.912.091.902	2.330.419.206	4.242.511.108
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			9.516.154.470
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			13.758.665.578
Doanh thu tài chính			589.047.420
Chi phí tài chính			(14.615.365.761)
Thu nhập khác			6.884.760.671
Chi phí khác			(80.856.668)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			<u>(1.251.946.678)</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			<u>5.284.304.562</u>



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2016


Bùi Văn Thủy
Người lập biểu


Bùi Văn Thủy
Kế toán trưởng


Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc